

Phụ lục số 01**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MỘT SỐ CÂY TRỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG
(MẬN BẢN ĐỊA, NA THÁI, HÀNH LÁY CỬ, TỎI LÁY CỬ, HÚNG
QUẾ, HÚNG CHANH, TÍA TÔ, THÌ LÀ, RAU MÙI, MƯỚP ĐẰNG
RỪNG, MÃ ĐÈ, BẠC HÀ, CÀ GAI LEO, THANH CAO HOA VÀNG)**

(Kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	TRỒNG, THÂM CANH CÂY MẬN BẢN ĐỊA			
1	Trồng mới cây Mận bản địa			
1.1	Công lao động			
a	Công lao động trực tiếp sản xuất			
-	Vệ sinh vườn	Công/ha	5	
-	Đào hố, bón phân	Công/ha	16	
-	Trồng, trồng dặm	Công/ha	12	
-	Làm cỏ, bón phân, phòng trừ sâu bệnh hại giai đoạn kiến thiết cơ bản	Công/ha	70	
	+ Năm thứ nhất	Công/ha	14	
	+ Năm thứ hai	Công/ha	28	
	+ Năm thứ ba	Công/ha	28	
b	Công chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật (tính cho 01 mô hình)	Tháng	9	- Người chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật có trình độ từ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (trồng trọt, bảo vệ thực vật, khuyến nông, nông học, khoa học cây trồng). - Tính 5 ha/người/năm
1.2	Định mức giống, vật tư			
a	Giống	Cây/ha	440	Cây giống: tuổi cây trên 4 tháng sau ghép; chiều dài cành ghép 35-40cm; không sâu bệnh, không cụt ngọn
-	Trồng mới	Cây/ha	400	
-	Trồng dặm	Cây/ha	40	
b	Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật			
-	Trồng và chăm sóc năm thứ nhất			
	+ Phân chuồng hoai mục	Kg/ha	10.000	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	+ Phân đạm nguyên chất (N)	Kg/ha	120	
	+ Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg/ha	130	
	+ Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg/ha	200	
	+ Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đồng/ha	1.000	
-	<i>Chăm sóc năm thứ hai</i>			
	+ Phân chuồng hoai mục	Kg/ha	10.000	
	+ Phân đạm nguyên chất (N)	Kg/ha	120	
	+ Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg/ha	118	
	+ Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg/ha	185	
	+ Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đồng/ha	1.000	
-	<i>Chăm sóc năm thứ ba</i>			
	+ Phân chuồng hoai mục	Kg/ha	10.000	
	+ Phân đạm nguyên chất (N)	Kg/ha	120	
	+ Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg/ha	118	
	+ Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg/ha	185	
	+ Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đồng/ha	1.000	
2	Thâm canh, cải tạo cây Mận bản địa			Tính cho 1 năm thâm canh
2.1	Định mức lao động			
a	Công lao động trực tiếp sản xuất			
-	Tỉa cành	Công/ha	14	
-	Làm cỏ, bón phân, phòng trừ sâu bệnh hại	Công/ha	37	
-	Thu hái, vận chuyển	Công/ha	28	
b	Công chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật (tính cho 01 mô hình)	Tháng	9	- Người chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật có trình độ từ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (trồng trọt, bảo vệ thực vật, khuyến nông, nông học, khoa học cây trồng). - Tính 5 ha/người/năm

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2.2	<i>Định mức giống, vật tư</i>			
-	Phân chuồng hoai mục	Kg/ha	15.000	
-	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg/ha	184	
-	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg/ha	192	
-	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg/ha	186	
-	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đồng/ha	2.000	
II	TRỒNG, THÂM CANH CÂY NA THÁI			
1	Trồng mới cây Na thái			
1.1	<i>Công lao động</i>			
a	Công lao động trực tiếp sản xuất			
-	Vệ sinh vườn	Công/ha	5	
-	Đào hố, bón phân	Công/ha	25	
-	Trồng, trồng dặm	Công/ha	16	
-	Làm cỏ, bón phân, phòng trừ sâu bệnh hại giai đoạn kiến thiết cơ bản	Công/ha	70	
	+ Năm thứ nhất	Công/ha	14	
	+ Năm thứ hai	Công/ha	28	
	+ Năm thứ ba	Công/ha	28	
b	Công chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	- Người chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật có trình độ từ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (trồng trọt, bảo vệ thực vật, khuyến nông, nông học, khoa học cây trồng). - Tính 5 ha/người/năm
1.2	<i>Định mức giống, vật tư</i>			
a	Giống	Cây/ha	875	Cây ghép, chiều dài cành ghép >30cm; không sâu bệnh, không cụt ngọn.
-	Trồng mới	Cây/ha	825	
-	Trồng dặm	Cây/ha	50	
b	Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật			
-	<i>Trồng và chăm sóc năm thứ nhất</i>			
	+ Phân chuồng hoai mục	Kg/ha	10.000	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	+ Phân đạm nguyên chất (N)	Kg/ha	230	
	+ Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg/ha	160	
	+ Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg/ha	120	
	+ Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đồng/ha	1.000	
-	<i>Trồng và chăm sóc năm thứ hai</i>			
	+ Phân chuồng hoai mục	Kg/ha	10.000	
	+ Phân đạm nguyên chất (N)	Kg/ha	230	
	+ Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg/ha	160	
	+ Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg/ha	180	
	+ Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đồng/ha	1.000	
-	<i>Trồng và chăm sóc năm thứ ba</i>			
	+ Phân chuồng hoai mục	Kg/ha	10.000	
	+ Phân đạm nguyên chất (N)	Kg/ha	230	
	+ Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg/ha	160	
	+ Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg/ha	180	
	+ Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đồng/ha	1.000	
2	Thâm canh cây Na thái			Tính cho 1 năm thâm canh
2.1	Định mức lao động			
a	Công lao động trực tiếp sản xuất			
-	Tỉa cành	Công/ha	20	
-	Làm cỏ, bón phân, phòng trừ sâu bệnh hại	Công/ha	55	
-	Thu hái, vận chuyển	Công/ha	28	
b	Công chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	- Người chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật có trình độ từ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (trồng trọt, bảo vệ thực vật, khuyến nông, nông học, khoa học cây trồng). - Tính 5 ha/người/năm

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2.2	<i>Định mức giống, vật tư</i>			
-	Phân chuồng hoai mục	Kg/ha	15.000	
-	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg/ha	300	
-	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg/ha	240	
-	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg/ha	360	
-	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đồng/ha	2.000	
III	TRỒNG, THÂM CANH 02 CÂY: HÀNH, TỎI LÂY CỦ			
1	Định mức lao động			
1.1	<i>Công lao động trực tiếp sản xuất</i>			
-	Vệ sinh đồng ruộng	Công/ha	5	
-	Cày, phay đất	Công/ha	33	
-	Làm đất, gieo ươm, chăm sóc cây giống	Công/ha	15	Áp dụng cho trường hợp trồng bằng hạt giống
-	Rạch hàng, lên luống, bón phân lót	Công/ha	20	
-	Trồng	Công/ha	28	
-	Làm cỏ, bón phân, phun thuốc	Công/ha	42	
-	Thu hoạch, vận chuyển	Công/ha	30	
1.2	<i>Công chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật</i>	Tháng	5	- Người chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật có trình độ từ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (trồng trọt, bảo vệ thực vật, khuyến nông, nông học, khoa học cây trồng). - Tính 05 ha/vụ/người
2	Định mức giống, vật tư			
2.1	<i>Giống</i>			
-	Trồng bằng củ giống	Kg/ha	600	
-	Trồng bằng hạt giống	Kg/ha	01	
2.2	<i>Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật</i>			
-	Phân chuồng hoai mục	Kg/ha	15.000	Trường hợp trồng bằng hạt giống tính tăng thêm 10% phân chuồng hoai mục, phân
-	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg/ha	70	
-	Phân lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	Kg/ha	80	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
-	Phân kali nguyên chất (K ₂ O)	Kg/ha	120	lân để bón cho ruộng giống
-	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đồng/ha	1.000	
IV	TRỒNG, THÂM CANH 05 CÂY RAU GIA VỊ: HÚNG QUẾ, HÚNG CHANH, TÍA TÔ, THÌ LÀ, MÙI			
1	Định mức lao động			
1.1	Công lao động trực tiếp sản xuất			
-	Vệ sinh đồng ruộng	Công/ha	5	
-	Cày, phay đất	Công/ha	33	
-	Rạch hàng, lên luống, bón phân lót	Công/ha	20	
-	Trồng	Công/ha	28	
-	Làm cỏ, bón phân, phun thuốc	Công/ha	42	
-	Thu hoạch, vận chuyển	Công/ha	30	
1.2	Công chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật			
-	Đối với 03 cây gia vị: Húng quế, Húng chanh, Tía tô	Tháng	5	- Người chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật có trình độ từ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (trồng trọt, bảo vệ thực vật, khuyến nông, nông học, khoa học cây trồng). - Tính 05 ha/vụ/người
-	Đối với 02 cây gia vị: Thì là, Mùi	Tháng	3	
2	Định mức giống, vật tư			
2.1	Giống			
-	Rau mùi	Kg/ha	12	Hạt giống
-	Rau Húng quế, Húng chanh	Kg/ha	0,8	
-	Rau Thì là	Kg/ha	15	
-	Rau Tía tô	Kg/ha	0,5	
2.2	Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật			
-	Phân chuồng hoai mục	Kg/ha	15.000	
-	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg/ha	40	
-	Phân lân nguyên chất (P205)	Kg/ha	95	
-	Phân kali nguyên chất (K20)	Kg/ha	75	
-	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đồng/ha	1.000	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
V	TRỒNG, THÂM CANH CÂY MƯÓP ĐẰNG RỪNG			
1	Định mức lao động			
1.1	<i>Công lao động trực tiếp sản xuất</i>			
-	Vệ sinh đồng ruộng	Công/ha	5	
-	Cày, phay đất	Công/ha	33	
-	Rạch hàng, cuốc hốc, bón phân lót	Công/ha	20	
-	Trồng	Công/ha	15	
-	Làm giàn	Công/ha	28	
-	Làm cỏ, bón phân, phun thuốc	Công/ha	42	
-	Thu hoạch, vận chuyển	Công/ha	30	
1.2	<i>Công chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật</i>	Tháng	5	- Người chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật có trình độ từ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (trồng trọt, bảo vệ thực vật, khuyến nông, nông học, khoa học cây trồng). - Tính 05 ha/vụ/người
2	Định mức giống, vật tư			
2.1	<i>Vật tư làm giàn</i>			
-	Cọc đứng làm giàn	Cọc/ha	2.100	Cọc bằng gỗ đường kính >12cm (cọc tre đường kính >10cm); dài 2,8 – 3,0m
-	Cây làm giàn	Cây/ha	22.500	Cây tre, nứa, ... đường kính > 5cm; dài > 3,5m
2.2	<i>Giống</i>	Kg/ha	02	Hạt giống
2.3	<i>Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật</i>			
-	Phân chuồng hoai mục	Kg/ha	15.000	
-	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg/ha	140	
-	Phân lân nguyên chất (P205)	Kg/ha	60	
-	Phân kali nguyên chất (K20)	Kg/ha	175	
-	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đồng/ha	1.000	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
VI	TRỒNG, THÂM CANH CÂY MÃ ĐÈ			
1	Định mức lao động			
1.1	Công lao động trực tiếp sản xuất			
-	Vệ sinh đồng ruộng	Công/ha	5	
-	Cày, phay đất	Công/ha	33	
-	Rạch hàng, lên luống, bón phân lót	Công/ha	20	
-	Trồng	Công/ha	28	
-	Làm cỏ, bón phân, phun thuốc	Công/ha	70	
-	Thu hoạch, vận chuyển	Công/ha	30	
1.2	Công chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	- Người chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật có trình độ từ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (trồng trọt, bảo vệ thực vật, khuyến nông, nông học, khoa học cây trồng). - Tính 05 ha/vụ/người
2	Định mức giống, vật tư			
2.1	Giống	Kg/ha	0,25	Hạt giống
2.2	Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật			
-	Phân chuồng hoai mục	Kg/ha	10.000	
-	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg/ha	165	
-	Phân lân nguyên chất (P205)	Kg/ha	65	
-	Phân kali nguyên chất (K20)	Kg/ha	120	
-	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đồng/ha	2.000	
VII	TRỒNG, THÂM CANH CÂY BẠC HÀ			
1	Định mức lao động			
1.1	Công lao động trực tiếp sản xuất			
-	Vệ sinh đồng ruộng	Công/ha	5	
-	Cày, phay đất	Công/ha	33	
-	Rạch hàng, lên luống, bón phân lót	Công/ha	20	
-	Trồng	Công/ha	28	
-	Làm cỏ, bón phân, phun thuốc	Công/ha	42	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
-	Thu hoạch, vận chuyển	Công/ha	30	
1.2	Công chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	5	- Người chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật có trình độ từ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (trồng trọt, bảo vệ thực vật, khuyến nông, nông học, khoa học cây trồng). - Tính 05 ha/vụ/người
2	Định mức giống, vật tư			
2.1	Giống	Kg/ha	1.450	Dây (hom) giống; Mầm giống khoẻ, không sâu bệnh
-	Trồng mới	Kg/ha	1.300	
-	Trồng dặm	Kg/ha	150	
2.2	Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật			
-	Phân chuồng hoai mục	Kg/ha	15.000	
-	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg/ha	125	
-	Phân lân nguyên chất (P205)	Kg/ha	35	
-	Phân kali nguyên chất (K20)	Kg/ha	80	
-	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đồng/ha	1.000	
VIII	TRỒNG, THÂM CANH CÂY CÀ GAI LEO			
1	Định mức lao động			
1.1	Công lao động trực tiếp sản xuất			
-	Vệ sinh đồng ruộng	Công/ha	5	
-	Cày, phay đất	Công/ha	33	
-	Rạch hàng, lên luống, bón phân lót	Công/ha	20	
-	Trồng	Công/ha	28	
-	Làm cỏ, bón phân, phun thuốc	Công/ha	70	
-	Thu hoạch, vận chuyển	Công/ha	30	
1.2	Công chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	- Người chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật có trình độ từ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (trồng trọt, bảo vệ thực vật, khuyến nông, nông học, khoa học cây trồng). - Tính 05 ha/vụ/người

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2	Định mức giống, vật tư			
2.1	Giống	Kg/ha	55.000	Cây giống; trên 60 ngày tuổi; chiều cao 15-20 cm; đường kính mầm 0,3-0,4 cm; cây sinh trưởng khỏe, không bị sâu bệnh hại
-	Trồng mới	Kg/ha	50.000	
-	Trồng dặm	Kg/ha	5.000	
2.2	Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật			
-	Phân chuồng hoai mục	Kg/ha	10.000	
-	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg/ha	100	
-	Phân lân nguyên chất (P205)	Kg/ha	75	
-	Phân kali nguyên chất (K20)	Kg/ha	60	
-	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đồng/ha	2.000	
IX	TRỒNG, THÂM CANH CÂY THANH CAO HOA VÀNG			
1	Định mức lao động			
1.1	Công lao động trực tiếp sản xuất			
-	Vệ sinh đồng ruộng	Công/ha	5	
-	Cày, phay đất	Công/ha	33	
-	Rạch hàng, lên luống, bón phân lót	Công/ha	20	
-	Trồng	Công/ha	28	
-	Làm cỏ, bón phân, phun thuốc	Công/ha	70	
-	Thu hoạch, vận chuyển	Công/ha	30	
1.2	Công chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng	9	- Người chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật có trình độ từ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp (trồng trọt, bảo vệ thực vật, khuyến nông, nông học, khoa học cây trồng). - Tính 05 ha/vụ/người
2	Định mức giống, vật tư			
2.1	Giống	Kg/ha	0,15	Hạt giống
2.2	Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật			
-	Phân chuồng hoai mục	Kg/ha	15.000	

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
-	Phân đạm nguyên chất (N)	Kg/ha	140	
-	Phân lân nguyên chất (P205)	Kg/ha	60	
-	Phân kali nguyên chất (K20)	Kg/ha	30	
-	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đồng/ha	1.000	
